

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH**

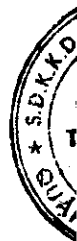
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/6/2012**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>100</b>	<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>		<b>1,274,724,248,764</b>	<b>1,118,430,606,481</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	6,721,732,841	5,398,710,478
111	1. Tiền		6,721,732,841	5,398,710,478
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		20,000,000	20,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20,000,000	20,000,000
130	III. Các khoản phải thu		1,163,817,183,089	1,082,347,666,568
131	1. Phải thu của khách hàng		396,451,247,102	337,467,491,288
132	2. Trả trước cho người bán		2,027,533,177	2,603,311,461
135	5. Các khoản phải thu khác	V.2	765,338,402,810	742,276,863,819
140	IV Hàng tồn kho	V.3	1,178,121,035	682,381,877
141	1. Hàng tồn kho		1,178,121,035	682,381,877
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		102,987,211,799	29,981,847,558
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4	91,143,579,471	20,578,905,778
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		165,943,998	165,980,889
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	V.5	841,252,000	845,010,863
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.6	10,836,436,330	8,391,950,028
<b>200</b>	<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>		<b>1,836,888,731,145</b>	<b>2,054,383,127,474</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		613,104,268,367	765,129,281,061
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	453,964,728,571	567,264,155,139
222	- Nguyên giá		654,359,082,434	816,995,035,478
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(200,394,353,863)	(249,730,880,339)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	42,821,282,548	81,552,949,004
225	- Nguyên giá		69,209,180,471	124,960,991,032
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(26,387,897,923)	(43,408,042,028)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	91,272,871,957	91,376,091,627
228	- Nguyên giá		93,271,008,772	93,271,008,772
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,998,136,815)	(1,894,917,145)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	25,045,385,291	24,936,085,291
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		705,150,530,304	826,907,440,804
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.11	666,600,267,354	801,780,267,354
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.12	5,405,260,000	200,000,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.13	33,145,002,950	24,927,173,450
260	V. Tài sản dài hạn khác		518,633,932,474	462,346,405,609
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	510,570,055,141	452,360,739,609
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.15	8,063,877,333	9,985,666,000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>3,111,612,979,909</b>	<b>3,172,813,733,955</b>



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

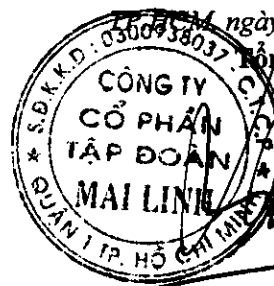
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
300	<b>A. Nợ phải trả (300 =310+330)</b>		<b>2,335,318,975,542</b>	<b>2,398,573,465,634</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1,052,017,310,586</b>	<b>1,101,307,523,844</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.16	624,275,117,913	693,479,448,361
312	2. Phải trả cho người bán		42,891,190,398	25,556,378,969
313	3. Người mua trả tiền trước		511,479,700	899,061,100
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	38,128,732,526	21,341,031,237
315	5. Phải trả người lao động		3,788,062,655	5,374,821,383
316	6. Chi phí phải trả	V.18	3,111,170,506	2,950,547,519
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.19	339,311,556,888	351,706,235,275
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1,283,301,664,956</b>	<b>1,297,265,941,790</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.20	187,209,480,413	181,001,250,098
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.21	1,095,489,182,543	1,115,694,970,367
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		603,002,000	569,721,325
400	<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>		<b>776,294,004,367</b>	<b>774,240,268,321</b>
410	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>776,294,004,367</b>	<b>774,240,268,321</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		875,901,380,000	875,901,380,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		22,448,874,000	22,448,874,000
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(922,400,000)	(922,400,000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		676,213,946	676,213,946
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1,728,959,893	1,728,959,893
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(123,539,023,472)	(125,592,759,518)
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3,111,612,979,909</b>	<b>3,172,813,733,955</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
1. Tài sản thuê ngoài			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		4,392.10	3.507,97

Kế toán trưởng



Lê Thanh Linh



Hồ Huy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	434,046,293,160	376,880,711,895
02	2. Các khoản giảm trừ		5,276,043,391	4,340,238,560
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		428,770,249,769	372,540,473,335
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.24	304,649,922,183	309,352,311,166
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124,120,327,586	63,188,162,169
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	52,984,496,134	93,363,656,962
22	7. Chi phí tài chính	VI.26	134,443,474,442	116,386,885,396
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		132,858,344,442	116,386,885,396
24	8. Chi phí bán hàng		5,291,663,076	10,365,266,818
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		30,032,822,033	31,777,964,888
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7,336,864,169	(1,978,297,971)
31	11. Thu nhập khác	VI.27	123,409,427,031	31,717,120,379
32	12. Chi phí khác	VI.28	128,631,055,154	27,637,700,637
40	13. Lợi nhuận khác		(5,221,628,123)	4,079,419,742
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,115,236,046	2,101,121,771
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,115,236,046	2,101,121,771

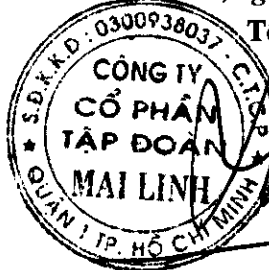
Kế toán trưởng



Lê Thanh Linh

TP. HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc



Hồ Huy

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

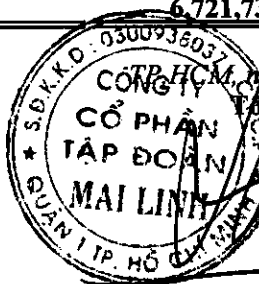
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012 VND	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	2,115,236,046	2,101,121,771
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>	114,855,916,948	56,630,799,152
02	- Khấu hao TSCĐ	26,341,445,296	38,067,228,488
03	- Các khoản dự phòng	-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(44,343,872,790)	(97,731,348,616)
06	- Chi phí lãi vay	132,858,344,442	116,294,919,280
08	<b>3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	116,971,152,994	58,731,920,923
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	88,269,247,402	(64,464,856,406)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(495,739,158)	2,912,377,560
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,	61,807,993,719	34,810,691,449
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(78,265,803,041)	(7,258,828,793)
13	- Tiền lãi vay đã trả	(179,273,253,933)	(174,875,639,842)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1,971,262,567	3,655,643,802
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(757,974,502)	(1,505,978,763)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10,226,886,048</b>	<b>(147,994,670,070)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(740,757,500)	(13,560,126,880)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	120,677,564,278	30,305,862,405
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(6,367,829,500)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(7,187,260,000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11,845,800,000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4,951,410,145	1,053,398,835
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>123,178,927,423</b>	<b>17,799,134,360</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	921,718,257,538	1,030,370,875,472
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1,032,825,037,001)	(886,136,528,238)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(20,976,011,645)	(12,941,521,176)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(132,082,791,108)</b>	<b>131,292,826,058</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>1,323,022,363</b>	<b>1,097,290,348</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>5,398,710,478</b>	<b>4,374,483,043</b>
61	<b>Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ</b>	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>6,721,732,841</b>	<b>5,471,773,391</b>

Kế toán trưởng



Lê Thanh Linh

ngày 27 tháng 08 năm 2012  
Tổng Giám đốc

Hồ Huy

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tên giao dịch quốc tế Mai Linh Group Corporation, viết tắt là Mai Linh Group Corp (MLG), tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001038 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau đó, với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 của Công ty là 980.000.000.000 đồng được chia thành 98.000.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Hồ Huy	499.800.000.000	49.980.000	51 %
2	Trần Thị Hồng Hạnh	53.900.000.000	5.390.000	5,5 %
3	Hồ Hữu Lân	4.900.000.000	490.000	0,5%
4	Hồ Thu Hương	4.900.000.000	490.000	0,5%
5	Hồ Thị Giới	4.900.000.000	490.000	0,5%
6	Hồ Thị Giang	4.900.000.000	490.000	0,5%
7	Hồ Thị Phượng	4.900.000.000	490.000	0,5%
8	Mai Hà Thanh Hùng	4.900.000.000	490.000	0,5%
9	Trần Thị Hồng Hoa	4.900.000.000	490.000	0,5%
10	Các Cổ đông khác	392.000.000.000	39.200.000	40 %
	<b>Cộng</b>	<b>980.000.000.000</b>	<b>980.000.000</b>	<b>100 %</b>

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng Công ty có chi nhánh trực thuộc được cộng hợp như sau:

Tên Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
1 Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	17/6/2003	Số 115 Phố Phú Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Đang hoạt động
2 Chi nhánh Du lịch lữ hành quốc tế Mai Linh Huế	21/9/2004	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đã ngưng hoạt động để cơ cấu tổ chức lại Cty

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

<b>Tên Chi nhánh</b>	<b>Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Tình hình hoạt động hiện tại</b>
3 Chi nhánh Mộc Bài – Công ty Cổ phần Mai Linh	11/11/2005	Kiốt số 7, đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Đã ngưng hoạt động để cơ cấu tổ chức lại Công ty
4 Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Cà Mau	23/11/2004	Số 11/51 Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Cà Mau	Đã ngưng hoạt động và có quyết định giải thể
5 Chi nhánh Tiền Giang – Công ty Cổ phần Mai Linh	29/10/2008	360 ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Đang hoạt động
6 Chi nhánh Tây Ninh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	11/6/2008	QL 22, ấp Suối Sáu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	Đang hoạt động
7 Chi nhánh Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Mai Linh	17/1/2005	Số 188 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đã ngưng hoạt động để cơ cấu tổ chức lại Cty
8 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh – Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	11/12/2010	Số 15 Đào Duy Anh, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	Đang hoạt động
9 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh – Trung Tâm dịch vụ Viễn Thông Mai Linh	23/3/2011	Số 64-68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	Đang hoạt động

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau: Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải bằng xe buýt; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết: kinh doanh vận tải hàng); Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam); Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt); Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: thiết kế phương tiện thủy nội địa); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải); Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (chi tiết: sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng, dầu, gas); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa. Đại lý vận tải); Sản xuất vali, túi xách, yên đệm xe. May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (chi tiết: sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo); Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chi tiết: chế tác, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức); Buôn bán kim loại và quặng kim loại (chi tiết: mua bán đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức); Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (chi tiết: Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhiên liệu); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ); Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (chi tiết: Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm); sửa chữa thiết bị liên lạc (chi tiết: bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại); Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán sim, thẻ cào điện thoại di động); Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc làm); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế); Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (chi tiết: dịch vụ sản sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chảy máu); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ tranh, ảnh (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (chi tiết: Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chi tiết: lai dắt, cứu hộ đường bộ. Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ: hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả gia trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn hóa chất, mực in, keo); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: bán buôn văn phòng phẩm. Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, màn treo, giường, tủ, bàn, ghế); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng); Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Trồng rừng; Xây dựng công trình công ích (chi tiết: đầu tư xây dựng thủy điện); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (chi tiết: tư vấn du học); Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ); Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (chi tiết: Đại lý bảo hiểm); Hoạt động bảo tồn, bảo tàng (chi tiết: hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: đào tạo dạy nghề, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ); Cho thuê xe ô tô; Đại lý, môi giới, đấu giá (chi tiết: Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Đại lý dịch vụ viễn thông. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại. Đại lý ký gửi hàng hóa); Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc (không sản xuất tại trụ sở);





*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ, điện tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh: kiốt, trung tâm thương mại. Dịch vụ cho văn phòng); Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất; Lập trình máy vi tính; Quảng cáo thương mại; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt máy móc thiết bị và công nghiệp. Chuyển phát; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy, nội địa. Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ. Đại lý đổi ngoại tệ. Dịch vụ Logistic.

### **3. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

- Nhà, vật kiến trúc	05 – 25	năm
- Máy móc thiết bị	03 – 10	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 08	năm
- Tài sản cố định vô hình	04 – 10	năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

**6. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai**

Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

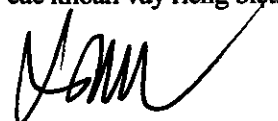
Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

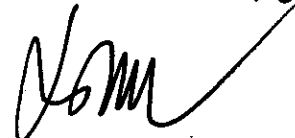
**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

### **13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

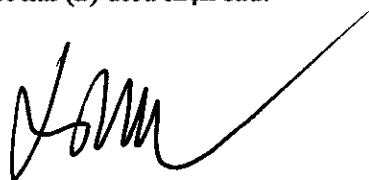
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng đính kèm*

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **16. Thuê tài sản**

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### **18. Phân phối lợi nhuận**

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh ngày 19/5/2008, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

- Trả cổ tức cho các cổ đông: 50% lợi nhuận thuần. Phương án phân chia và mức trích cho từng loại cổ phần do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

- Lập các quỹ không vượt quá 50% lợi nhuận thuần:

- Trích Quỹ dự phòng tài chính (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bắt buộc) hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ Công ty.
- Trích Quỹ đầu tư phát triển tối đa 30%.
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 15%.



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	72,454,947	831,800,717
Tiền gửi ngân hàng	6,649,277,894	4,566,909,761
<b>Cộng</b>	<b>6,721,732,841</b>	<b>5,398,710,478</b>
2. Các khoản phải thu khác	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế GTGT chờ kết chuyển	3,435,928,638	4,548,180,430
Phải thu các công ty trong nội bộ Tập đoàn Mai Linh	449,185,542,135	410,678,000,023
Phải thu khác ngoài Tập đoàn	312,716,932,037	327,050,683,366
Các khoản phải thu khác		
<b>Cộng</b>	<b>765,338,402,810</b>	<b>742,276,863,819</b>
3. Hàng tồn kho	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	650,190,193	15,187,638
Công cụ, dụng cụ	4,326,737	1,030,304
Hàng hóa	523,604,105	536,792,865
Hàng gửi đi bán		129,371,070
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>1,178,121,035</b>	<b>682,381,877</b>
4. Chi phí trả trước ngắn hạn	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	4,923,427,619	1,508,276,726
Chi phí lãi vay cá nhân	14,164,682,580	14,164,682,580
Chi phí chờ kết chuyển khác	72,055,469,272	4,905,946,472
<b>Cộng</b>	<b>91,143,579,471</b>	<b>20,578,905,778</b>
5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế TNDN do chuyển quyền sử dụng đất nộp thừa.	841,252,000	841,252,000
Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	0	3,758,863
<b>Cộng</b>	<b>841,252,000</b>	<b>845,010,863</b>
6. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	7,049,636,330	2,775,150,028
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,786,800,000	5,616,800,000
<b>Cộng</b>	<b>10,836,436,330</b>	<b>8,391,950,028</b>



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số đầu năm	97,765,137,680	2,334,360,261	698,375,134,535	17,983,950,402	536,452,600	816,995,035,478
Tăng trong năm	-	-	57,237,909,866	150,656,000	-	57,388,565,866
- Mua sắm	-	-	1,325,616,364	150,656,000	-	1,476,272,364
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	55,751,810,561	-	-	55,751,810,561
- Chi phí mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	160,482,941	-	-	160,482,941
Giảm trong năm	-	-	219,924,799,955	62,404,410	37,314,545	220,024,518,910
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	219,924,799,955	62,404,410	37,314,545	220,024,518,910
- Giảm do tháo dỡ tài sản	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>97,765,137,680</b>	<b>2,334,360,261</b>	<b>535,688,244,446</b>	<b>18,072,201,992</b>	<b>499,138,055</b>	<b>654,359,082,434</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>						
Số đầu năm	8,981,756,343	1,265,980,650	230,169,765,852	8,949,257,752	364,119,742	249,730,880,339
Tăng trong năm	899,335,962	214,606,964	41,601,083,512	533,277,422	10,065,871	43,258,369,731
- Trích khấu hao TSCĐ	899,335,962	214,606,964	19,623,335,884	533,277,422	10,065,871	21,280,622,103
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	21,977,747,628	-	-	21,977,747,628
Giảm trong năm	-	-	92,553,636,870	26,012,703	15,246,634	92,594,896,207
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	92,553,636,870	26,012,703	15,246,634	92,594,896,207
<b>Số cuối năm</b>	<b>9,881,092,305</b>	<b>1,480,587,614</b>	<b>179,217,212,494</b>	<b>9,456,522,471</b>	<b>358,938,979</b>	<b>200,394,353,863</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	88,783,381,337	1,068,379,611	468,205,368,683	9,034,692,650	172,332,858	567,264,155,139
Số cuối năm	87,884,045,375	853,772,647	356,471,031,952	8,615,679,521	140,199,076	453,964,728,571

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	-	-	124,960,991,032	-	124,960,991,032
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	55,751,810,561	-	55,751,810,561
- Chuyển sang TSCĐHH	-	-	55,751,810,561	-	55,751,810,561
<b>Số cuối năm</b>	-	-	<b>69,209,180,471</b>	-	<b>69,209,180,471</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	-	-	43,408,042,028	-	43,408,042,028
Tăng trong năm	-	-	4,957,603,523	-	4,957,603,523
- Trích khấu hao TSCĐ	-	-	4,957,603,523	-	4,957,603,523
Giảm trong năm	-	-	21,977,747,628	-	21,977,747,628
- Chuyển sang TSCĐHH	-	-	21,977,747,628	-	21,977,747,628
<b>Số cuối năm</b>	-	-	<b>26,387,897,923</b>	-	<b>26,387,897,923</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	-	81,552,949,004	-	81,552,949,004
Số cuối năm	-	-	42,821,282,548	-	42,821,282,548

**9. Tài sản cố định vô hình**

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	87,895,580,668	-	92,923,810	5,282,504,294	93,271,008,772
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua sắm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>87,895,580,668</b>	-	<b>92,923,810</b>	<b>5,282,504,294</b>	<b>93,271,008,772</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	-	-	72,790,312	1,822,126,833	1,894,917,145
Tăng trong năm	-	-	9,292,380	93,927,290	103,219,670
- Trích khấu hao TSCĐ	-	-	9,292,380	93,927,290	103,219,670
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	-	-	<b>82,082,692</b>	<b>1,916,054,123</b>	<b>1,998,136,815</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	87,895,580,668	-	20,133,498	3,460,377,461	91,376,091,627
Số cuối năm	87,895,580,668	-	10,841,118	3,366,450,171	91,272,871,957

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm*

<b>10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quyền sử dụng đất Nhơn Trạch Đồng Nai	15,083,172,300	15,083,172,300
Triển khai phần mềm Oracle	3,199,066,646	3,089,766,646
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	6,763,146,345	6,763,146,345
<b>Cộng</b>	<b>25,045,385,291</b>	<b>24,936,085,291</b>

<b>11. Đầu tư vào công ty con</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Miền Trung (*)	26,310,000,000	26,310,000,000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	215,460,435,086	215,460,435,086
Công ty CP Đại lý vận tải hàng không Mai	1,836,000,000	1,836,000,000
Công ty Cổ phần Nhật Hồ	3,195,000,000	3,195,000,000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	74,958,220,000	198,958,220,000
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ)	14,803,150,000	14,803,150,000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Mai	181,391,179,599	181,391,179,599
Công ty TMDVVT Sài Gòn Bình Minh	26,170,682,669	26,170,682,669
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	121,680,000,000	121,680,000,000
Công ty Cổ phần Địa Ốc	795,600,000	795,600,000
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	-	11,180,000,000
<b>Cộng</b>	<b>666,600,267,354</b>	<b>801,780,267,354</b>

**Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 30/06/2012**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Q.biểu quyết</b>	
Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Miền Trung	47.79%	60,45%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	47.76%	51.00%	Dịch vụ taxi
Công ty CP Đại lý vận tải hàng không Mai Lin	63.75%	51.00%	Đại lý bán vé máy bay
Công ty Cổ phần Nhật Hồ	88.75%	88.75%	Sản xuất, thương mại
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	27,97%	51,33%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ)	100.00%	100.00%	Thương mại, dịch vụ taxi
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Mai Linh	91.58%	51.00%	Thương mại
Công ty TMDVVT Sài Gòn Bình Minh	73.38%	51.00%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	89.27%	51.00%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Địa Ốc	53.00%	53.00%	Xây dựng

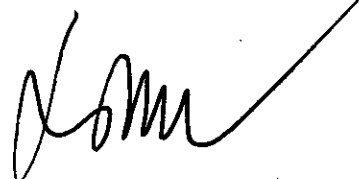
(\*) Ngày 12 tháng 04 năm 2012, Đại Hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Mai Linh đã công bố quyết định số 01/QĐ-MLBTB về việc thay đổi vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn. Theo đó, số lượng cổ phần thưởng Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh nhận được là : 502.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ lợi ích tại 30/06/2012	Q.biểu quyết tại 30/06/2012	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì Năng Động	40.00%	40.00%	200,000,000	200,000,000
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	24.00%	24.00%	5,205,260,000	-
<b>Cộng</b>			<b>5,405,260,000</b>	<b>200,000,000</b>

13. Đầu tư dài hạn khác	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần đầu tư Quốc Tế Viettel	14,400,000,000	14,400,000,000
Giá gốc cổ phiếu Công ty Cổ phần VC Sài Gòn Tourist	2,032,000	2,032,000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1,800,000,000	1,800,000,000
Công ty TNHH Mai Linh Campuchia	4,879,391,450	4,879,391,450
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	1,548,000,000	1,548,000,000
Công ty Cổ phần Tin học Việt Linh	1,639,000,000	1,639,000,000
Công ty Cổ phần CNTT và Truyền Thông	581,750,000	581,750,000
Công ty KTĐĐ & DVCC Sài Gòn	75,000,000	75,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng ĐT & Phát Triển VN	8,217,829,500	-
Đầu tư dài hạn khác	2,000,000	2,000,000
<b>Cộng</b>	<b>33,145,002,950</b>	<b>24,927,173,450</b>

14. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	629,605,413	976,229,480
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	22,243,036,896	22,798,707,136
Chi phí mua bảo hiểm xe	930,665,555	1,308,891,556
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	15,697,788,563	15,601,375,541
Chi phí lãi vay đầu tư xây dựng bất động sản	222,819,684,949	176,064,339,378
Chi phí đào tạo	32,455,191,880	31,547,278,451
Chi phí lãi vay	44,699,432,603	44,699,432,603
Khấu hao tài sản cố định	69,541,776,075	69,541,776,075
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	52,350,552,141	52,350,552,141
Chi phí trả trước dài hạn khác	49,202,321,066	37,472,157,248
<b>Cộng</b>	<b>510,570,055,141</b>	<b>452,360,739,609</b>



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm*

<b>15. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ dài hạn cho các công ty thuê tài chính	7,315,390,833	9,213,179,500
Ký quỹ thuê mặt bằng	748,486,500	772,486,500
<b>Cộng</b>	<b>8,063,877,333</b>	<b>9,985,666,000</b>

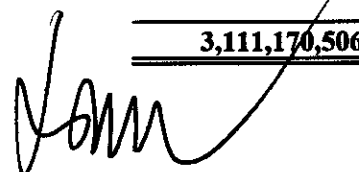
<b>16. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng (a)	163,460,241,929	140,357,902,000
Vay ngắn hạn đối tượng khác (b)	459,232,778,941	436,945,177,093
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (xem chi tiết vay dài hạn V.21)	-	73,444,823,468
Vay tổ chức và đối tượng khác đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn V.21)	1,582,097,043	28,808,231,542
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	13,923,314,258
<b>Cộng</b>	<b>624,275,117,913</b>	<b>693,479,448,361</b>

(a) Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 4 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 1,42%/tháng đến 1,75%/tháng, được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất của Công ty, toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ, toàn bộ nguồn thu hợp pháp khác.  
(b) Vay đối tượng khác là các khoản vay tín chấp có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 0,88% đến 1,80%/tháng

<b>17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	35,122,925,228	19,538,086,636
Thuế thu nhập cá nhân	3,005,771,298	1,802,944,601
Các loại thuế khác	36,000	-
<b>Cộng</b>	<b>38,128,732,526</b>	<b>21,341,031,237</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

<b>18. Chi phí phải trả</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phải trả về tiền lệ phí trước bạ xe	1,600,000	9,550,000
Chi phí lãi phải trả của hợp đồng Repo	2,832,500,000	2,832,500,000
Chi phí phải trả khác	277,070,506	108,497,519
<b>Cộng</b>	<b>3,111,170,506</b>	<b>2,950,547,519</b>



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm*

<b>19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	204,475,050	130,234,600
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	917,805,070	898,160,195
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	3,570,014,844	1,893,951,376
Phải trả các công ty trong nội bộ Tập đoàn Mai Linh	172,225,220,636	184,622,966,042
Phải trả tiền góp xe thanh lý	35,875,262,286	3,815,289,650
Phải trả về tiền chuyển nhượng cổ phần MTC	-	2,008,417,656
Các khoản phải trả phải nộp khác	126,518,779,002	158,337,215,756
<b>Cộng</b>	<b>339,311,556,888</b>	<b>351,706,235,275</b>

<b>20. Phải trả dài hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả dài hạn khác	161,878,484,524	157,370,594,209
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	25,330,995,889	23,630,655,889
<b>Cộng</b>	<b>187,209,480,413</b>	<b>181,001,250,098</b>

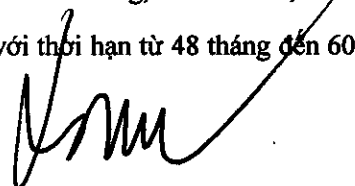
(\*) Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của cán bộ công nhân viên, khách hàng MCC

<b>21. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn ngân hàng (a)	94,817,584,209	65,884,242,173
Vay kinh doanh taxi	13,896,143,115	14,708,020,464
Vay các Công ty trong Tập đoàn Mai Linh (b)	354,517,906,040	384,177,738,087
Vay đối tượng khác (b)	593,670,905,090	605,285,628,167
Nợ thuê tài chính (c)	38,586,644,089	45,639,341,476
<b>Cộng</b>	<b>1,095,489,182,543</b>	<b>1,115,694,970,367</b>

(a) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng, lãi suất từ 1,50%/tháng đến 1,80%/tháng, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Vay các đối tượng khác là khoản vay tín chấp có thời hạn từ 13 tháng đến 60 tháng, lãi suất từ 1,80% đến 2%.

(c) Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính về phương tiện vận tải với thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng, lãi suất từ 1,17%/tháng đến 1,50%/tháng.



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	875,901,380,000	22,448,874,000	(922,400,000)	676,213,946	1,728,959,893	(125,592,759,518)	774,240,268,321
2. Tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	2,115,236,046	2,115,236,046
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	2,115,236,046	2,115,236,046
Tăng do phân phối LN	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	61,500,000	61,500,000
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do quỹ phúc lợi chi vượt	-	-	-	-	-	61,500,000	61,500,000
4. Số dư cuối kỳ này	875,901,380,000	22,448,874,000	(922,400,000)	676,213,946	1,728,959,893	(123,539,023,472)	776,294,004,367

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012		31/12/2011	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Ông Hồ Huy	36.02%	315,508,640,000	36.02%	315,508,640,000
Bà Trần Thị Hồng Hạnh	2.84%	24,873,210,000	2.84%	24,873,210,000
Các Cổ đông khác	61.14%	535,519,530,000	61.14%	535,519,530,000
<b>Cộng</b>	<b>100.00%</b>	<b>875,901,380,000</b>	<b>100%</b>	<b>875,901,380,000</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	875,901,380,000	875,901,380,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	875,901,380,000	875,901,380,000

**d. Cổ phần**

	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	98,000,000	98,000,000
- Số lượng cổ phần đã phát hành	87,590,138	87,590,138
+ Cổ phần phổ thông	87,590,138	87,590,138
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	87,497,898	87,497,898
+ Cổ phần phổ thông	87,497,898	87,497,898
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	92,240	92,240
+ Cổ phiếu phổ thông	92,240	92,240
* Mệnh giá cổ phần đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10,000	10,000

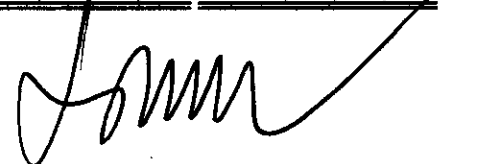
**e. Phân phối lợi nhuận**

	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(125,592,759,518)	(132,170,874,041)
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong năm	2,115,236,046	6,686,763,105
Giảm do quỹ phúc lợi chi vượt	(61,500,000)	(108,648,582)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>(123,539,023,472)</b>	<b>(125,592,759,518)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012</b>	<b>Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	285,714,677,383	223,975,348,134
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải, tài sản, mặt bằng	58,119,863,626	80,298,054,771
Doanh thu bán xe, vật tư phụ tùng ô tô	17,396,422,491	4,325,977,306
Doanh thu dịch vụ nhà hàng khách sạn	433,888,186	368,661,820
Doanh thu dịch vụ đào tạo	668,750,000	636,934,485
Doanh thu nhà thuốc, y tế	594,126,979	2,613,368,099
Doanh thu cung cấp dịch vụ xe cho thuê	67,172,333,215	57,470,620,293
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe	1,946,701,084	2,424,243,750
Doanh thu dịch vụ khác	1,999,530,196	4,767,503,237
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>434,046,293,160</b>	<b>376,880,711,895</b>
Chiết khấu thương mại	5,276,043,391	4,340,238,560
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>428,770,249,769</b>	<b>372,540,473,335</b>



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**24. Giá vốn hàng bán**

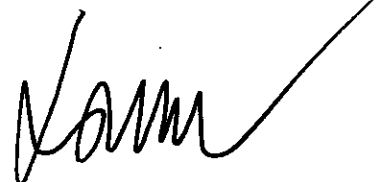
	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012 VND	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ taxi	197,805,533,750	207,515,512,490
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải, tài sản, mặt bằng	23,525,299,916	38,737,426,421
Giá vốn bán xe, vật tư phụ tùng ô tô	18,614,604,764	4,386,235,416
Giá vốn dịch vụ nhà hàng khách sạn	52,604,061	75,565,301
Giá vốn dịch vụ đào tạo	356,620,589	346,130,262
Giá vốn nhà thuốc, y tế	627,880,487	2,386,039,997
Giá vốn dịch vụ xe cho thuê	60,456,984,422	49,733,413,244
Giá vốn dịch vụ sửa chữa xe	2,428,684,336	3,162,614,096
Giá vốn dịch vụ khác	781,709,858	3,009,373,939
<b>Cộng</b>	<b>304,649,922,183</b>	<b>309,352,311,166</b>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012 VND	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49,497,641	53,440,737
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	25,048,339	1,313,682,669
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	9,537,203,383	8,179,725,774
Thu nhập từ cho thuê thương hiệu	41,104,507,709	68,641,750,361
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,047,391,077	66,917,450
Lãi nhượng bán cổ phần, vốn góp	-	15,072,333,700
Lãi được chia từ hợp tác kinh doanh	747,156,182	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	473,691,803	35,806,271
<b>Cộng</b>	<b>52,984,496,134</b>	<b>93,363,656,962</b>

**26. Chi phí tài chính**

	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012 VND	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011 VND
Chi phí lãi vay, thuê tài chính	132,858,344,442	116,301,219,280
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	268,930,000	85,666,116
Lỗ đầu tư tài chính	1,316,200,000	-
<b>Cộng</b>	<b>134,443,474,442</b>	<b>116,386,885,396</b>





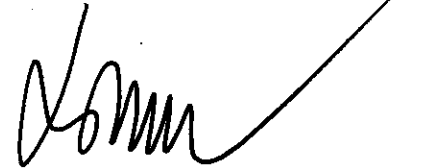
*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm*

**27. Thu nhập khác**

	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012 VND	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	120,813,789,960	30,603,792,727
Thu nhập khác	2,595,637,071	1,113,327,652
<b>Cộng</b>	<b>123,409,427,031</b>	<b>31,717,120,379</b>

**28. Chi phí khác**

	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012 VND	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	127,526,765,870	25,979,213,667
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	81,000,000	43,051,911
Chi phí khác	1,023,289,284	1,615,435,059
<b>Cộng</b>	<b>128,631,055,154</b>	<b>27,637,700,637</b>



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm*

**VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

. Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Nội dung nghiệp vụ	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2012	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2011
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	3,421,448,000	3,041,882,000

**IX. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết**

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

**3. Thông tin hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**4. Những thông tin khác**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2012 dựa trên kết quả lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản đã thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2011 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2012;
- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và của Ban Kiểm soát;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh: do trong
- Bổ nhiệm nhân sự bổ sung cho Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2010 - 2015
- Thông qua phương án thù lao năm 2012 cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:
  - + Thù lao Hội đồng Quản trị: 2% lợi nhuận sau thuế/năm/5 người;
  - + Thù lao Ban Kiểm soát: 0,7% lợi nhuận sau thuế/năm/3 người;
- Thông qua việc trong năm 2012 tìm tuyển Tổng Giám đốc mới, trong thời gian chưa tìm được Tổng Giám đốc mới thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị tạm thời kiêm nhiệm Tổng Giám đốc;
- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2012 theo quy
- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện tái cấu trúc Công ty.

**X. SỐ LIỆU SO SÁNH**

- Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.
- Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty.

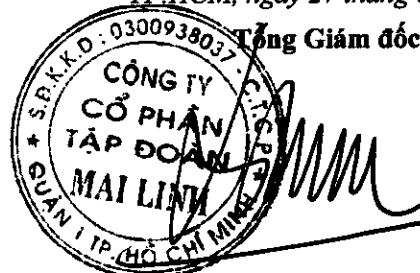
Kế toán trưởng



**Lê Thanh Linh**

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc



**Hồ Huy**